TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 128/2021/HS-ST

Ngày 31 -8-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Trần Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2021/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/HSST-QĐ ngày 17/8/2021 đối với bị cáo.

Họ và tên: Thân Đức L, sinh năm 1984; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn Đ L, xã HT, huyện VY, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Thân Đức M và bà: Thân Thị B có vợ là: Đỗ Thị X và hai con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/4/2010, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Trộm cắp tài sản*";

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Họ và tên: Lê Thị M, sinh năm 1965; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Số nhà 6A, đường CKV, phường TNH, thành phố BG, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; con ông: Lê Văn A (đã chết) và bà: Lê Thị M (đã chết); có chồng là: Phạm Đức Q (đã chết) và có 02 con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 2100/PTHS ngày 25/12/2001 Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trẻ em";

Bản án số 45/2013/HSPT ngày 16/4/2013 của Tòa án tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Chứa mại dâm";

- Bị cáo bị đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

3. Họ và tên: Nông Văn T1, sinh năm 2000; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn BH, xã QS, huyện LN, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nông Văn T1 (Đã chết) và bà Viên Thị H; vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

4. Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1996; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

- Nơi cư trú: Thôn BH, xã QS, huyện LN, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán dìu; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Trần Văn L và bà Đỗ Thị B; có vợ là Phan Thị M (Đã ly hôn) và có 01 con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lưu Thị C, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ Dân phố MĐ2, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG

2. Hoàng Thị S, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã TT, huyện VY, tỉnh BG

3. Trần Quang H, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố HS, thị trấn V, huyện LG, tỉnh BG

4. Hoàng Thị Minh H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VA, xã BA, huyện YB, tỉnh YB

5. Lê Thị L, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã ĐT, huyện HH, tỉnh PT.

6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ; Đội 5, thôn TT, xã TM, huyện BV, thành phố HN

7. Lò Thị H, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 12, xã TD, huyện KC, tỉnh HY

8. Bàn Thị H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản CK, xã QH, huyện MC, tỉnh S L

9. Phùng Thị Y, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã LX, huyện TN, thành phố HP

10. Lò Thị N, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn SQ, xã P N, huyện VC, tỉnh YB

11. Lê Thị T, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã HT, huyện H H, tỉnh TH

12. Cầm Thị H, sinh ngày 10/10/2003 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NM, xã NT, huyện SM, tỉnh S L

13. Hoàng Văn C, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: NS, thị trấn PS, huyện CT, tỉnh TH

Người làm chứng:

Anh Thân Văn G, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ Dân phố MĐ3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/6/2019, Thân Đức L ký hợp đồng thuê nhà căn 04 tầng của ông Thân Văn G, sinh năm 1964, trú tại Tổ Dân phố MĐ3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG được xây dựng tại Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời hạn thuê là 05 năm, giá thuê là 18.000.000 đồng/tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng/ 1 lần. Sau khi thuê nhà, L mở quán lấy tên là "Điểm hẹn" để kinh doanh dịch vụ Massager, thư giãn. Đến khoảng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, kinh doanh gặp khó khăn nên L và Lê Thị M, sinh năm 1965 trú số nhà 6A, đường Cao Kỳ Vân, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang sửa lại quán, trang bị thêm một số đồ đạc dụng cụ và đổi tên thành quán "Tường Vy", để cùng nhau tổ chức hoạt động mua, bán dâm nhằm mục đích thu lời bất chính.

Đến tháng 6/2020, quán "Tường Vy" bắt đầu đi vào hoạt động dưới vỏ bọc kinh doanh cà phê nhưng thực chất là hoạt động mại dâm trá hình. Để tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của quán, L và M trực tiếp, tiếp nhận gái bán dâm đến làm việc cho mình. Đồng thời, L giao cho M có nhiệm vụ xắp xếp thời gian

hoạt động của quán, quản lý nhân viên, sắp xếp chỗ ăn, ngủ cho gái bán dâm, quản lý sổ sách thu chi, trả lương cho người làm thuê và gái bán dâm.

Để phục vụ hoạt động mua, bán dâm, L thuê Nông Văn T1, sinh năm 2000 và Trần Văn T, sinh năm 1996 đều ở Thôn BH, xã QS, huyện LN, tỉnh BG làm nhân viên trông coi và quản lý quán, đưa đón gái bán dâm. Ngoài ra, L còn thuê chị Trần Thị L, sinh năm 1986, trú tại tổ 6, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nấu cơm, phục vụ sinh hoạt cho mọi người trong quán. Từ thời gian này, L quy định nhiệm vụ cụ thể của từng người như sau: L và M có trách nhiệm trông coi quán từ 12 giờ đến 18 giờ, còn từ 18 giờ đến 03 giờ sáng ngày kế tiếp thì do T1 và T sẽ cùng trông coi quán. Trong thời gian này, T1 có nhiệm vụ điều hành quản lý thời gian gái bán dâm trong và ngoài quán, thu tiền của khách mua dâm, ghi chép sổ sách theo dõi số lượt gái đi bán dâm cho khách. Còn T có nhiệm vụ dọn dẹp phòng, chở nhân viên đi bán dâm tại các địa điểm theo yêu cầu khách mua dâm, khi nào gái bán dâm xong sẽ đón về quán. Trường hợp T bận thì T1 thay T đưa, đón gái bán dâm, còn khi L bận thì T1 và T sẽ là người trông thay L. Còn khi cả L và T1 bận thì T được giao nhiệm vụ trông coi quán, thu tiền của khách mua dâm, điều gái bán dâm tại quán, ghi chép sổ theo dõi, số tiền thu được T phải chuyển lại cho M hoặc T1. Hàng tháng, L trả cho M 10.000.000 đồng tiền công; cho T1 là 7.000.000 đồng (tùy từng thời điểm L sẽ hỗ trợ thêm T1 tiền xăng xe dao động từ 100.000 đồng - 200.000 đồng và tiền ăn đêm là 50.000 đồng); T là 6.000.000 đồng; chị Liên là 5.000.000 đồng/1tháng.

Về thời gian hoạt động, phương thức điều hành gái bán dâm và giá cả mỗi lần bán dâm, L và M thống nhất với gái bán dâm như sau: Gái bán dâm được L chi trả các chi phí phục vụ sinh hoạt tại quán và hoạt động mại dâm như: ăn, ở, bao cao su và được hưởng ½ số tiền thu được của mỗi lần bán dâm. Thời gian hoạt động mua, bán dâm diễn ra tại quán từ 12 giờ ngày hôm trước đến 03 giờ sáng của ngày kế tiếp. Giá mỗi lần mua dâm được L ấn định là 300.000 đồng/ 30 phút và 500.000 đồng/60 phút (tính cả trong và ngoài quán). Còn trường hợp khách mua dâm qua đêm với gái bán dâm bên ngoài quán "Tường Vy", thì mức thu dao động từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, mua dâm bên ngoài quán khách phải trả tiền thuê phòng nghỉ. Ngoài quản lý, theo dõi số lượt bán dâm của gái bán dâm bằng sổ sách, L còn lập nhóm trên ứng dụng mạng xã hội Zalo tên là "Báo giờ.1" nhằm quản lý thời gian, địa điểm, số tiền thu được, khi gái bán dâm xong phải báo lên nhóm. Khoảng 03 giờ sáng hàng ngày, M sẽ tiến hành kiểm tra sổ sách và thu tiền do T1 đưa để tính toán tiền trả cho gái bán dâm và các chi phí khác. Tại các bữa cơm tối diễn ra trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 20 giờ hàng ngày, khi có mặt L, M, T1, T và tất cả gái bán dâm thì M đối chiếu sổ sách, trả tiền công cho gái bán dâm của ngày hôm trước. Đồng thời, M trích ra số tiền 1.000.000 đồng từ số tiền thu được của hoạt động mại dâm để sử dụng chi phí sinh hoạt hàng ngày, trả lương tháng cho T1 và T, chị Trần Thị L, số tiền còn lại M đưa cho L.

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 02/11/2020, T1 đang ở quán "Tường Vy" thì có hai nam thanh niên (khi phát hiện qua kiểm tra hành chính tự khai là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 ở thôn Ngò, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Hữu Bảo M, sinh năm 2000 ở thôn Nam Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang,

tỉnh Bắc Giang) đến đặt vấn đề mua dâm qua đêm với nhân viên của quán ở bên ngoài quán "Tường Vy", T1 đồng ý và thu của T1, Minh mỗi người là 1.800.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền, đối tượng tự khai là Nguyễn Văn T1 chọn gái bán dâm tên là Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, trú tại đội 5, thôn Thanh Tiến, xã Thanh Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, còn đối tượng tự khai là Nguyễn Hữu Bảo Minh chọn gái bán dâm tên là Lò Thị H (tên gọi tại quán là Nhi), sinh năm 1997, trú tại Xóm 12, xã TD, huyện KC, tỉnh HY, rồi cùng nhau đi xe tắc xi đến nhà nghỉ "Đức Duy" ở tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (do chị Lưu Thị C, sinh năm 1977, HKTT: Tổ dân phố Tăng Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên làm chủ) thuê hai phòng 401 và phòng 402 thực hiện hành vi mua, bán dâm. Tại đây, T1 và Th vào phòng 401, còn M và Hvào phòng 402 thực hiện hành vi quan hệ tình dục, trong thời gian này Minh cho Hải số tiền 500.000 đồng. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, khi các đối tượng quan hệ tình dục xong đang nằm trên giường thì bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang đến kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ.

Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, L được hai đối tượng nam thanh niên (khi bị bắt tự khai tên Hoàng Văn T1, sinh năm 1981, Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1990 đều trú tại thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) và anh Hoàng Văn C, sinh năm 1986 ở thôn NS, thị trấn PS, huyện CT, tỉnh TH đặt vấn đề mua dâm với nhân viên của quán. Sau khi được khách đặt vấn đề, L thông báo giá một lần mua dâm với gái bán dâm tại quán trong thời gian 30 phút là 300.000 đồng, 60 phút là 500.000 đồng, các đối tượng T1, Tùng và anh Cường đều đồng ý mua dâm. Trong đó, T1 và Tùng mua dâm trong thời gian 60 phút nên mỗi người đưa cho L 500.000 đồng, còn anh Cường mua dâm trong thời gian 30 phút nên đưa cho L số tiền 300.000 đồng. Sau khi thanh toán, T1 chọn gái bán dâm tên là Lê Thị L (tên gọi tại quán là Nga) và được L đưa vào phòng 208 để quan hệ tình dục; Tùng chọn nhân viên tên Hoàng Thị Minh H và được Huyền đưa vào phòng 203 để quan hệ tình dục. Khi T1 và Liên, Tùng và Huyền đang quan hệ tình dục thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang. Anh C và gái bán dâm Bàn Thị H chưa kịp lên phòng để quan hệ tình dục thì bị phát hiện bắt giữ.

Ngoài hoạt động mại dâm trong ngày 02/11/2020 nêu trên, thì căn cứ theo quyển sổ có thứ tự số 1 bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp; hình ảnh Camera được trích xuất tại quán "Tường Vy", nick Zalo báo giờ 1, có đủ căn cứ xác định các bị can Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T còn có hoạt động mại dâm khác trong ngày 02/11/2020, cụ thể như sau:

**** Đối với Thân Đức L:***

Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 22 giờ ngày 02/11/2020, L chỉ đạo, điều hành đối với 03 lượt gái bán dâm, trong đó: Khoảng 20 giờ, L chỉ đạo T1 điều gái bán dâm đến nhà nghỉ "London" ở thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để bán dâm cho khách (không xác định được nhân thân lai lịch), nên T1 chỉ đạo T chở gái bán dâm tên là Hồng quê ở tỉnh Lạng Sơn (không xác định được địa chỉ cụ thể) đến nhà nghỉ này để thực hiện hành vi bán dâm. Lần bán dâm này Hồng chưa thực hiện xong nên chưa thu được tiền nộp cho T1; khoảng hơn 21 giờ, L chỉ đạo T1 chở gái bán dâm là Bàn Thị H đến bán dâm tại nhà nghỉ

198, ở thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Bán dâm xong Huệ thu của khách mua dâm số tiền 300.000 đồng nộp cho T1; khoảng 22 giờ ngày 02/11/2020, L trực tiếp điều nhân viên tên Lan (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi bán dâm qua đêm cho một người khách không xác định được nhân thân, lai lịch tại nhà nghỉ Paris ở tổ dân phố MĐ2, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG thu số tiền 1.800.000 đồng giao lại cho T1.

**** Đối với Lê Thị M:***

Trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 19 giờ ngày 02/11/2020, M nhận của T số tiền 900.000 đồng là tiền T thu của khách mua dâm tại quán với 03 gái bán dâm gồm: Nguyễn Thị T; Phùng Thị Y; Lò Thị H; trả tiền công bán dâm ngày 01/11/2020 cho một số gái bán dâm và đưa tiền thu lời ngày 01/11/2020 cho L.

**** Đối với Nông Văn T1:***

Trong thời gian từ 12 giờ đến 22 giờ ngày 02/11/2020, T1 chở gái bán dâm tên là Hồng đến bán dâm tại nhà nghỉ Cát Tường ở tổ dân phố MĐ, thị trấn N, huyện Việt Yên thu số tiền 1.000.000 đồng; chở các nhân viên tên gọi tại quán là Linh, Cún (không xác định tên thật, địa chỉ) đến nhà nghỉ, quán Karaoke "Bambi" ở thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên để hát nhưng hai nhân viên này chưa về nên chưa thu được tiền; thu của Lò Thị H 02 lượt bán dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền 800.000 đồng; thu của T số tiền 900.000 đồng là tiền của các gái dâm Lê Thị L và gái bán dâm tên Lan; thu của Nguyễn Thị T 02 lượt bán dâm tại quán với số tiền là 600.000 đồng; thu của Phùng Thị Y 01 lượt bán dâm tại quán với số tiền là 300.000 đồng; thu của gái bán dâm tên Lan 02 lượt bán dâm tại quán với số tiền là 600.000 đồng; thu Hoàng Thị Minh H 01 lượt bán dâm tại quán với số tiền là 300.000 đồng; thu của Lò Thị N 01 lượt bán dâm tại quán với số tiền là 300.000 đồng; chở Bàn Thị H đến bán dâm tại nhà nghỉ 198, địa chỉ tại thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thu số tiền 300.000 đồng; được L giao số tiền 1.800.000 đồng của gái bán dâm tên Lan bán dâm qua đêm tại nhà nghỉ Pari.

**** Đối với Trần Văn T:***

Trong thời gian từ 16 giờ đến 20 giờ ngày 02/11/2020, T thu của 05 gái bán dâm, gồm: Nguyễn Thị T, Phùng Thị Y, Lò Thị H, Lê Thị L, gái bán dâm tên Lan số tiền 1.800.000 đồng, số tiền này T giao cho Lê Thị M 900.000 đồng, giao cho T1 900.000 đồng; T chở gái bán dâm tên là Hồng (chưa rõ nhân thân lai lịch) đến bán dâm tại nhà nghỉ London, địa chỉ tại thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên nhưng do Hồng chưa bán dâm xong nên chưa thu được tiền.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 22 giờ 16 phút ngày 02/11/2020, các bị can L, M, T1 và T đã điều hành **24** lần bán dâm thu được tổng số tiền là **14.500.000** đồng, trong đó bán dâm tại quán cà phê "Tường Vy" là **18** lần tương ứng số tiền **6.000.000** đồng, bán dâm bên ngoài quán cà phê "Tường Vy" là **06** lần tương ứng số tiền là **8.500.000 đồng**.

Ngoài các hành vi "Chứa mại dâm", "Môi giới mại dâm" được các bị can thực hiện ngày 02/11/2020, kết quả điều tra xác định trước đó các bị can L, M, T1,

T còn chỉ đạo, điều hành các gái bán dâm của quán "Tường Vy" thực hiện **199** lần bán dâm thu được số tiền **90.700.000** đồng. Trong đó, **183** lần được thực hiện tại quán "Tường Vy" thu tổng số **83.200.000** đồng; **16** lần được thực hiện ngoài quán "Tường Vy" thu tổng số **7.500.000** đồng. Các hành vi nêu trên được các bị can ghi chép theo dõi bằng hệ thống sổ sách được thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp.

*** Đối với bị can Thân Đức L:**

Quá trình điều tra, bị can L khai nhận đã giao trách nhiệm cho các bị can M, T1, T ghi chép, theo dõi hoạt động mua, bán dâm của gái bán dâm trong phạm vi trong và ngoài quán "Tường Vy". Tại các quyển sổ đã thu giữ có một số chữ viết của bị can nhưng đến nay bị can không nhớ ý nghĩa các chữ viết đó. Riêng tại quyển sổ theo dõi số 8, ngày 06/8/2020 L đã trực tiếp thu **03** lần tiền của khách đến mua dâm với tổng số tiền 2.000.000 đồng, những lần thu tiền của khách mua dâm này đều được T và M ghi vào sổ theo dõi (T ghi 1.500.000 đồng, M ghi 500.000 đồng; thể hiện ở ở mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu **A28**).

*** Đối với bị can Lê Thị M:**

Ngày 06/8/2020, M thu **08** lần của khách mua dâm tại quán cà phê "Tường Vy" với tổng số tiền **2.800.000** đồng, ghi sổ theo dõi 01 lần (dòng chữ "Nga 500 L") của nhân viên tên Nga bán dâm nhưng nộp tiền cho L (sổ số 8, mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu **A28**);

Ngày 18/10/2020 M thu **02 lần** của khách mua dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền **600.000** đồng; 02 lần của khách mua dâm bên ngoài quán "Tường Vy" với tổng số tiền **800.000** đồng. Ngày 19/10/2020 M thu 01 lần của khách mua dâm tại quán "Tường Vy" được số tiền **300.000** đồng. Ngày 20/10/2020 M thu 01 lần của khách mua dâm bên ngoài quán "Tường Vy" được số tiền **300.000** đồng. Ngày 21/10/2020 M thu 01 lần của khách mua dâm tại quán "Tường Vy" được số tiền **300.000** đồng. Ngày 22/10/2020 M thu 02 lần của khách mua dâm tại quán " Tường Vy" với tổng số tiền **800.000** đồng. Ngày 23/10/2020 M thu 02 lần của khách mua dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền **600.000** đồng. Ngày 25/10/202 0 M thu 08 lần của khách mua dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền **2.400.000** đồng; thu 02 lần khách mua dâm bên ngoài quán "Tường Vy" với tổng số tiền **1.400.000** đồng (sổ số 5, mặt trước và sau tài liệu cần giám định ký hiệu **A20)**.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 06/8/2020 đến ngày 25/10/2020, M ghi chép theo dõi được **30** lần bán dâm với tổng số tiền **10.300.000** đồng. Trong đó thu từ hoạt động mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" là **24 lần** với số tiền là **7.800.000** đồng; từ hoạt động mua bán dâm bên ngoài quán "Tường Vy" là **06 lần** với tổng số tiền là **2.500.000** đồng.

*** Đối với bị can Nông Văn T1:**

Tại quyển sổ số 7, T1 ghi chép và thu tiền 06 lần của đến khách mua dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền là **2.400.000** đồng (thể hiện ở dòng 29 đến

dòng 32, tài liệu giám định ký hiệu A27); Tại quyển sổ số 8, T1 ghi chép và thu tiền 80 lần của khách đến mua dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền 36.100.000 đồng; thu 10 lần của khách mua dâm bên ngoài quán "Tường Vy" với số tiền 5.000.000 đồng (thể hiện tại các dòng 23, 24 mặt trước tài liệu giám định ký hiệu **A28;** các tài liệu giám định ký hiệu **A30, A31, A32**); Tại quyển sổ số 9, T1 ghi chép và thu tiền 11 lần của khách đến mua dâm tại quán "Tường Vy" được với tổng số tiền 4.100.000 đồng (thể hiện ở chữ viết mực màu đỏ mặt sau tài liệu giám định ký hiệu **A37**).

Tất cả các sổ theo dõi này T1 đều không ghi ngày tháng nên không xác định được thời gian cụ thể. Như vậy, tổng số lần mua, bán dâm T1 ghi chép, theo dõi được **107 lần,** thu tổng số tiền là **47.600.000** đồng, trong đó thu từ hoạt động mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" là **97** lần với tổng số tiền **42.600.000** đồng; từ hoạt động mua, bán dâm diễn ra ngoài quán "Tường Vy" là **10** lần với tổng số tiền **5.000.000** đồng.

*** Đối với bị can Trần Văn T:**

Tại quyển sổ số 7, T ghi chép và thu tiền 09 lần mua, bán dâm tại quán " Tường Vy" với tổng số tiền **4.800.000** đồng (thể hiện ở trên tài liệu giám định ký hiệu **A27**); Tại quyển sổ số 8, T ghi chép, theo dõi và thu 12 lần mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền **4.000.000** đồng (thể hiện ở từ dòng 9 đến dòng 20 mặt trước tài liệu giám định ký hiệu **A28**); ngày 06/8/2021 ghi chép, theo dõi 19 lần mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền là **12.000.000** đồng; ngoài ra có 02 dòng T ghi "Thu 14:50 500 A L" và "Thủy 14:45 1000 A L" là T vào sổ theo dõi tên, thời gian, số tiền mua bán dâm được số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng gái bán dâm nộp cho L (thể hiện ở mặt sau tài liệu giám định ký hiệu **A28** và tài liệu giám định ký hiệu **A29**); Tại quyển sổ số 9, T ghi chép, theo dõi 19 lần mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" thu tổng số tiền **10.000.000** đồng (thể hiện ở chữ viết mực màu xanh mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu **A37**).

Như vậy, tổng số T ghi chép theo dõi được **59** lần mua, bán dâm tại quán "Tường Vy" với tổng số tiền là **30.800.000** đồng, trong đó ngày 06/8/2020 được T ghi chép thể hiện nên xác định được thời gian, còn các ngày khác T không ghi thời gian nên không xác định được.

Ngày 09/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số 276/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số quyển số đánh số thứ tự là 1thu giữ khi khám xét tại quán Tường Vi.

Tại bản kết luận giám định số 1713/KL-KTHS ngày 19/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận như sau:

- Chữ viết (chữ số) "22 05 - 500 - 22 05 - 500 - 1800" tại các dòng 20, 21,22 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Thân Đức L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) ***là do cùng một người viết ra.***

- Chữ viết "16 00 - Thanh - yến - 18 00 - nhi - 18 55 - 18 55 - nga" từ dòng 06 đến dòng 11 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Trần Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M9) ***là do cùng một người viết ra.***

- Chữ viết (chữ số) "Cát tường - Hồng - 1000 - 12 00 - Linh - 12 00 - Cún - nhi - 2 25 - nga - Thanh - 20 00 - Hồng - 20 38 - yến - 20 43 - thanh - 21 28 - Huyền - 21 29 - ngọc" từ dòng 01 đến dòng 05, dòng 12 đến dòng 19 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Nông Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M10 đến M14) ***là do cùng một người viết ra.***

Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ viết còn lại trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) do đặc điểm truy nguyên cá biệt ít, không ổn định, không đủ cơ sở để kết luận giám định." (bút lục số 168)

Ngày 20/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số 16/QĐ-CSHS trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số của 09 quyển số được đánh số thứ tự từ 2 đến 10 những quyển sổ sách thu giữ khi khám xét tại quán "Tường Vi".

Tại bản kết luận giám định số 351/KL-KTHS ngày 28/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận như sau:

1. Chữ viết có nội dung "Ngày 05-11-2020- L- Thân Đức L" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ **A1 đến A32, A34 đến A40, A42, A43, A44**); "8700, 9300" tại mặt sau trên tài liệu **A28**; chữ viết bằng mực màu xanh và bằng mực màu đỏ trên tài liệu **A33** so với chữ viết của Thân Đức L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M1 đến M11**) ***là do cùng một người viết ra***.

2. Chữ viết (chữ số) bằng mực màu đỏ có nội dung "550", "615" trên tài liệu **A1**; "Tổng 34241" trên tài liệu **A4**; chữ viết trên các tài liệu từ **A5đếnA19**; **A23, A41** (trừ chữ viết tại mặt trước trên tài liệu **A13**; dòng thứ 1 đến dòng thứ 6 ở mặt trước trên tài liệu **A16**); "30 90 88 20/50 89/30 430 0943199111", từ dòng thứ 7 đến dòng thứ 15, dòng thứ 19, 20 ở mặt trước và chữ viết bằng mực màu xanh ở mặt sau (trừ chữ viết "Nhà Hiền 300 - nga 300 – hoa 300") trên tài liệu **A20**; chữ viết ở mặt sau trên tài liệu **A22**; "Hiền 300 – 9h30 Huyền 300 - Nga 500 L – Thu 300 – Thu 500 – Huyền 300 – Thanh 300 – 300 dòng thứ 28 từ trên xuống dưới – 1045 Huyền 500" ở mặt sau trên tài liệu **A28**; "230098" trên tài liệu **A36** so với chữ viết của Lê Thị M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M22 đến M29**) ***là do cùng một người viết ra***.

3. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu **A1, A2, A3, A4, A24, A25; A30; A31; A32; A36; A38; A40** – trừ chữ viết "TT Thảo 2250 trên tài liệu **A31**); chữ viết bằng mực màu xanh từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 21 ở mặt trước, dòng thứ 17,18,19 ở mặt sau trên tài liệu **A21**; chữ viết ở mặt trước trên tài liệu **A37** so với chữ viết của Nông Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M35 đến M41**) ***là do cùng một người viết ra***.

4. Chữ viết bằng mực màu đỏ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A26**); chữ viết (chữ số) trên tài liệu **A27**; từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 22 ở mặt trước,

chữ viết ở mặt sau (trừ nội dung kết luận ở điểm 1,2 mục này) trên tài liệu **A28**; chữ viết (chữ số) trên các tài liệu **A29; A34; A35; A39; A45**; chữ viết bằng mực màu đen trên tài liệu **A33**; chữ viết ở mặt sau trên tài liệu **A37** so với chữ viết của Trần Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M12 đến M21**) ***là do cùng một người viết ra.***

5. Chữ viết ở mặt trước trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A13**); từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 6 ở mặt trước trên tài liệu **A16**; "Hợp đồng mạng bắt đầu từ 26/8/2019 đến hết 26/3/2020 Trần Văn T1" ở mặt trước trên tài liệu **A20**; chữ viết trên các tài liệu **A42, A43, A44** là không phải do Thân Đức L, Lê Thị M, Trần Văn T, Nông Văn T1 viết ra.

6. Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ viết còn lại trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A20, A21, A22, A27, A29) do đặc điểm truy nguyên cá biệt ít, không ổn định, không đủ cơ sở để kết luận giám định." Bút lục số 178-179.

Ngày 27/5/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Công văn số 882/KTHS về việc đính chính Kết luận giám định số 351/KL-KTHS ngày 28/02/2021, như sau:

"- Tại điểm 3 mục V. KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH có ghi:

3. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu **A1, A2, A3, A4, A24, A25; A30; A31; A32; A36; A38; A40** – trừ chữ viết "TT Thảo 2250 trên tài liệu **A31**); chữ viết bằng mực màu xanh từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 21 ở mặt trước, dòng thứ 17,18,19 ở mặt sau trên tài liệu **A21**; chữ viết ở mặt trước trên tài liệu **A37** so với chữ viết của Nông Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M35 đến M41**) ***là do cùng một người viết ra***.

Sửa thành:

3. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu **A1, A2, A3, A4, A24, A25; A30; A31; A32; A36; A38; A40** - trừ chữ viết "TT Thảo 2250 trên tài liệu **A31**); chữ viết có nội dung "ĐT Thu 300 - QH Huyên 300" ở các dòng 10, 11, "Huyền 500x - Thanh 500x - My 300x - Huyền - 300x - Huyên 500x - Hà 300x" ở dòng 24 đến dòng 29 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A27**); "Thanh 300x-Linh 300x" dòng 21, 22 ở mặt trước tài liệu cần giám định (ký hiệu **A28**); "Cún 300x - Nhi 300x - Ly 17 15 - Thanh 19:03 300x - Cún 300x - Loan 13:00 = 300 - Cún 300x" ở dòng 3 đến dòng 9 ở mặt trước tài liệu cần giám định (ký hiệu **A35**); chữ viết ở mặt trước và chữ viết mực màu đỏ ở mặt sau trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A37)** so với chữ viết của Nông Văn T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M35 đến M41) ***là do cùng một người viết ra***.

Tại điểm 4 mục V. KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH có ghi:

4. Chữ viết bằng mực màu đỏ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A26**); chữ viết (chữ số) trên tài liệu **A27**; từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 22 ở mặt trước, chữ viết ở mặt sau (trừ nội dung kết luận ở điểm 1,2 mục này) trên tài liệu **A28**; chữ viết (chữ số) trên các tài liệu **A29; A34; A35; A39; A45**; chữ viết bằng

mực màu đen trên tài liệu **A33**; chữ viết ở mặt sau trên tài liệu **A37** so với chữ viết của Trần Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ **M12 đến M21**) ***là do cùng một người viết ra.***

Sửa thành:

4. Chữ viết bằng mực màu đỏ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A26**); chữ viết (chữ số) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A27** - trừ chữ viết có nội dung "304 - PA 1 Triệu 3 nhanh - Thu - Chưa Thu - 1500 - 1000 - 500x12 - 300x24 - 700 - 1100 - 1400 - 1800 - Hương 300 - 300 - 300 - Hằng 300x" và chữ viết đã nêu ở điểm 3 mục này"); chữ viết từ dòng thứ 9 đến dòng 20 ở mặt trước, chữ viết ở mặt sau (trừ nội dung kết luận ở điểm 1,2 mục này) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A28**); chữ viết (chữ số) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu **A29; A34; A35; A39; A45** - trừ chữ viết "Cún 300x - Nhi 300x - Ly 17 15 - Thanh 19:03 300x - Cún 300x - Loan 13:00 = 300 - Cún 300x" ở dòng 3 đến dòng 9 ở mặt trước tài liệu cần giám định ký hiệu **A35**); chữ viết bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định (ký hiệu **A33**); chữ viết mực màu xanh ở mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu **A37**) so với chữ viết của Trần Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M12 đến M21) ***là do cùng một người viết ra."***

Bản cáo trạng số: 111/CT-VKS-YT ngày 09/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T về các tội "*Chứa mại dâm*" và "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại các điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, d, đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bầy luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Thân Đức L, , Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T về các tội "*Chứa mại dâm*" và "*Môi giới mại dâm"*:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, d, đ Khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 55 Điều 58, Điều 38, điểm s, khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự đối với Nông Văn T1

Xử phạt Nông Văn T1 từ 05 năm 02 tháng tù đến 05 năm 04 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" 03 năm 02 tháng tù đến 03 năm 04 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Nông Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù từ 08 năm 04 tháng đến 08 năm 08 tháng thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Áp dụng điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, d, đ Khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55 điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự đối với: Lê Thị M, Trần Văn T, Thân Đức L.

Xử phạt Thân Đức L từ 05 năm 06 tháng tù đến 05 năm 09 tháng tù về tội " *Chứa mại dâm*" từ 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù về tội "*Môi giới*

mại dâm", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Thân Đức L phải chấp hành hình phạt tù từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Xử phạt Lê Thị M từ 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 05 tháng về tội "Môi giới mại dâm", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Lê Thị M phải chấp hành hình phạt tù từ 08 năm 06 tháng đến 08 năm 10 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Xử phạt Trần Văn T từ 05 năm đến 05 năm 02 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" từ 03 năm đến 03 năm 02 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt tù là 08 năm đến 08 năm 04 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng, án phí.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo L, M, T, T1 xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến ngày 02/11/2020, Thân Đức L thuê nhà của ông Thân Văn G, sinh năm 1964 ở Tổ Dân phố MĐ3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG mở quán cà phê có biển hiệu "*Tường Vy*" ở Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để hoạt động mại dâm mục đích thu lợi bất chính. Để tiến hành hoạt động mại dâm, L thuê Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T quản lý điều hành hoạt động mại dâm. Trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến ngày 02 tháng 11 năm 2020, L cùng với M, T1, T đã thực hiện 221 lần "*Chứa mại dâm*" tại quán cà phê "*Tường Vy*" và 22 lần "*Môi giới mại dâm*" ở các nhà nghỉ trên địa bàn thị trấn Nếnh và xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên với nhiều người. Trong số gái bán dâm có Cầm Thị H, sinh ngày 10/10/2003 là người chưa đủ 18 tuổi.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng L chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa mại dâm*" và "*Môi giới mại dâm*", như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố các bị cáo về tội "*Chứa mại dâm*" và "*Môi giới mại dâm*" theo điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, d, đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thị M, Trần Văn T sau khi phạm tội đầu thú, Lê Thị M có bó đẻ là ông Lê Văn Anh được tặng thưởng *"Huân chương kháng chiến*" hạng nhất, mẹ đẻ bà Lê Thị Minh được tặng thưởng "*Huy chương kháng chiến*" hạng nhì, Thân Đức L có bố đẻ Thân Đức Mạn là thương binh được thưởng "*Huy chương kháng chiến*" hạng nhất do đó bị cáo M, T, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn bị cáo L có vai trò chính quản lý và điều hành hoạt động của quán, L và M trực tiếp, tiếp nhận gái bán dâm đến làm việc cho mình. Đồng thời, L giao cho M có nhiệm vụ xắp xếp thời gian hoạt động của quán, quản lý nhân viên, sắp xếp chỗ ăn, ngủ cho gái bán dâm, quản lý sổ sách thu chi, trả lương cho người làm thuê và gái bán dâm. Tiếp theo là bị cáo T1 và T, T1 có nhiệm vụ điều hành quản lý thời gian gái bán dâm trong và ngoài quán, thu tiền của khách mua dâm, ghi chép sổ sách theo dõi số lượt gái đi bán dâm cho khách , T có nhiệm vụ dọn dẹp phòng, chở nhân viên đi bán dâm tại các địa điểm theo yêu cầu khách mua dâm, khi nào gái bán dâm xong sẽ đón về quán. Do vậy khi lượng hình cần xem xét trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo để xử lý nghiêm minh, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh hủy hoại tính cách con người, gây mất trật tự trị an xã hội; các bị cáo L, M có nhân thân xấu đã bị các Tòa án xét xử, các bị cáo phạm hai tội do đó có thể thấy rằng các bị cáo không chịu tu dưỡng do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo một thời gian cần thiết mới đủ để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo phạm hai tội do đó cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với đề nghị củaViện kiểm sát về mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo Thân Đức L, Lê Thị M, Trần Văn T, là phù hợp với tính chất mức độ phạm tội, các

tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; tuy nhiên đối với bị cáo Nông Văn T1, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, làm thuê cho bị cáo L, phạm tội do thiếu hiểu biết nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo T, T1 là người dân tộc thiểu số; bị cáo M, L không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Thị L, sinh năm 1983, trú tại: Khu 1, xã Đan Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ: 01 (một) túi da màu ghi; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, vỏ màu hồng, có số Imei 352981090361101; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ màu hồng, có số Imei 355827084813218; 01 (một) ví da màu đen, trên có ghi chữ "Prada"; 01 (một) chứng minh nhân dân số 132072216 mang tên Lê Thị L; số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thu tại phòng 208 quán cà phê Tường vi.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, trú tại Thanh Tiến, Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu xanh thu tại phòng 401 nhà nghỉ Đức Duy.

- Trả lại cho Triệu Văn Dũng, sinh năm 1987, trú tại Sơn Lập, Cẩm Châu, Cẩm Thủy, Thanh Hóa 01 xe mô tô biển kiểm soát 36P1- 9833;

- Trả cho Hoàng Văn C, sinh năm 1996, trú tại Ngọc Sơn, Phong Sơn, Cẩm Thủy, Thanh Hóa 01 xe mô tô biển kiểm soát 17B3- 077.23.

Các vật chứng còn lại gồm:

- 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su thu tại giường ngủ bên trái cửa đi vào của phòng 208 (được niêm phong); 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu tại giường ngủ của phòng 203; 01 vỏ bao cao su đã xé có chữ "Doctor Young Lovers" (được niêm phong); 07 (Bẩy) Bao cao su chưa sử dụng, có chữ "bao cao su Doctor Young Lovers"; 01 (Một) vỏ bao cao su màu trắng, trên có chữ "Doctor" màu đỏ, đã bị xé; 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu tại thùng rác trong nhà vệ sinh phòng 401 (được niêm phong); 06 (Sáu) bao cao su chưa qua sử dụng thu ở cuối giường phòng 401 (được niêm phong); 01 (Một) vỏ bao cao su có chữ "Doctor"; 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu trong thùng rác ở phòng tắm của phòng 402 (được niêm phong); 01 (Một) máy tính nhãn hiệu Casio màu đen, góc bên trên cùng bên phải có chữ JS-40B 14 DIGITS do M mua để dùng tính toán tiền trong hoạt động mại dâm; 50 (Năm mươi) bao cao su chưa qua sử dụng (được niêm phong); 03 (Ba) bút bi, có chữ TL-08; 01 (Một) đầu thu Camera màu đen, mặt trước có chữ @JHUA (được niêm phong) của L lắp bị cáo L không đề nghị lấy lại, đây là những là vật chứng không sử dụng được và không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 (Một) điện thoại di động vỏ màu xanh, có chữ VIVO ở sau máy, số Imeil 1: 860062048908817 và Imeil 2: 860062048908809, lắp sim số

0977728011 là của bị cáo Thân Đức L đã dùng điện thoại này và số điện thoại để lập nhóm Zalo báo giờ 1 theo dõi hoạt động bán dâm; 01 (Một) điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Imeil 1: 866107045733959, số Imeil 2: 866107045733942 là của Nông Văn T1 dùng để theo dõi hoạt động bán dâm trên ứng dụng Zalo nhóm báo giờ 1, đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số seri 1: 355754101758053; số seri 2: 355754101958059, lắp sim số 0328763436 và 0868381621; 01 (Một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Masstel, số Imeil 1: 3541991125250102; Imeil 2: 354199112825106, lắp sim số 0962005092 và 0376285327 của Nông Văn T1 không dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo T1; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số Imeil 1: 357745106926503 và Imeil 2: 357745108926501 của Trần Văn T không dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho T; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng vỏ màu đỏ, số Imeil 1: 356328109034574; Imeil 2: 356328109836200, lắp sim số 0889105378; 01 (Một) tờ trích lục án dân sự (bản phô tô) của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang cấp ngày 8/5/2002; 02 (Hai) chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị M; 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, có chữ nổi trên thẻ là LE THI M, dãy số nổi là 9704368620554971019 của M; 01 (Một) thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4242421943053 mang tên Lê Thị M do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/8/2019 của M; 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007157 mang tên Lê Thị M do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/6/2011, đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM ATTILA, biển số 98B1-131.68; 01 (Một) ví da màu sữa, đen của M; 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng VPBANK, có chữ nổi là LE THI M, dãy số nổi là 9704320271713689 của M; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila màu vàng, biển kiểm soát 98B1- 131.68; số khung 075201; số máy 075201 xe đăng ký tên Lê Thị M không dùng vào việc phạm tội 13.160.000đ tiền riêng của M nên cần trả lại cho bị cáo M.

- Số tiền 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền của T1 thu từ hoạt động bán dâm ngày 02/11/2020; số tiền 900.000đồng là tiền T thu được từ hoạt động mại dâm đưa cho M cầm, số còn lại là; 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*) đã được niêm phong là tiền thu của hai gái bán dâm khi kiểm tra hành chính nhà nghỉ Đức Duy của Nguyễn Thị T và Lò Thị H được khách mua dâm cho cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen 1280, số seri 359045047894003 (được niêm phong) chiếc điện thoại này của khách mua dâm tại phòng 203 quán cà phê Tường vy bỏ lại không xác định được chủ sở hữu, ngày 07/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên ra Thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa ai đến nhận do vậy căn cứ do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật dân sự thì trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 07/5/2021 nếu chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản là vật chứng có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, hết thời hạn này tài sản sẽ được sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô Wave màu trắng gắn biển kiểm soát 17F8- 1029; số khung RLHHC1258FY347708; số máy HC12E- 7347776, theo kết quả giám định số khung số máy có biển số 98E1- 486.64 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thơ, sinh năm 1971 ở Giáp Hạ, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xe này ông Thơ khai đã cho con trai là Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1998 sử dụng đi làm ở khu Công nghiệp Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và đã bị mất trộm; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVO màu đen, biển kiểm soát 98Y1- 8215; số máy 046910; số khung 046910 xe đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn Vụ, sinh năm 1970 ở xóm Quỳnh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, năm 2017 anh Vụ đã bán chiếc xe trên cho người đàn ông không rõ là ai, không viết giấy tờ mua bán. Xe này bị can L khai của người đàn ông tên T1 quê Hải Phòng gửi ở quán; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila màu đỏ đen gắn biển kiểm soát 29H1- 037.01; số khung RLGAU12TDCD001594; số máy VMKADTD- 001594, theo kết quả tra cứu số khung số máy không ra được chủ sở hữu; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen gắn biển kiểm soát 30K3- 4506; số khung 6408Y059063; số máy 5C64059063, theo kết quả tra cứu số khung số máy chủ sở hữu tên Vũ Minh Thùy, trú tại khu hành chính 18, phường Liên Bảo, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xe có biển số 88S8- 3878. Đã tiến hành xác minh tại địa chỉ này nhưng Công an phường xác định không có thông tin Vũ Minh Thùy ở địa chỉ trên. Đối với 04 xe mô tô trên chưa xác định được nguồn gốc nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra.

Đối với số tiền thu lời bất chính: Bị cáo M được L trả 10.000.000đ; T1 được 7.000.000đ, T được 6.000.000đ, L thu lời 23.350.000đ cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T phải chịu án phí hình dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với các gái bán dâm, gồm: Hoàng Thị Minh H, Lê Thị L, Lò Thị H, Nguyễn Thị T, Bàn Thị H; Phùng Thị Y, Lò Thị N, Lê Thị T, Cầm Thị H, quá trình điều tra đều thừa nhận thực hiện hành vi bán dâm trong và ngoài phạm vi quán "*Tường Vy*" dưới sự điều hành của L, M, T1 và T. Ngày 10/11/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các gái bán dâm này về hành vi bán dâm theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ; xử phạt hành chính đối với Hoàng Văn C, sinh năm 1996, trú tại thôn NS, thị trấn PS, huyện CT, tỉnh TH về hành vi mua dâm theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Đối với những đối tượng gái bán dâm khác, do quá trình đến làm gái bán dâm tại quán "Tường Vy" đều không sử dụng tên, địa chỉ thật nên không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

[12] Đối với 02 đối tượng mua dâm bị bắt quả tang và 02 đối tượng mua dâm bị phát hiện khi kiểm tra hành chính, sau khi làm việc lợi dụng sơ hở đã bỏ

trốn. Tiến hành xác minh tại địa phương, không có người nào có nhân thân lai lịch như trên, đến nay Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nên chưa có căn cứ để xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tách ra để tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[13] Đối với hành vi của chị Lưu Thị C, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ Đức Duy. Ngày 28/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Cảnh về hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, mức phạt tiền là 17.500.000 đồng.

[14] Đối với hành vi của Hoàng Thị S, sinh năm 1993, ở thôn 7, Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang là quản lý Nhà nghỉ 198 địa chỉ thôn Chùa, Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang; anh Trần Quang H, sinh năm 1998 ở Tổ dân phố Hoành Sơn, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ "London" ở thôn Chùa, Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang, ngày 02/11/2020 đã có hành vi không vào sổ sách theo dõi và kiểm tra giấy tờ tùy thân đối với khách vào lưu trú vi phạm vào Điểm đ Khoản 1 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ nên Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

[15] Đối với chị Vũ Kim K, sinh năm 1972 ở phường ĐM, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ "*Quỳnh Hương*" ở Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên; chị Trần Thị Ngân, sinh năm 1982 ở xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ "Cát Tường" ở Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên; anh Đồng Văn Hạnh, sinh năm 1988 ở xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ "Pari" ở Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên; anh Thân Văn Tiến, sinh năm 1978 ở Tổ dân phố My Điền 1, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên là chủ nhà nghỉ "M Loan"; anh Lê Hồng Văn, sinh năm 1978 ở thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chủ nhà nghỉ, karaoke "BamBi". Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với các chủ nhà nghỉ trên nhưng các chủ nhà nghỉ xác định không có hành vi gọi gái bán dâm tại quán "Tường Vy" đến nhà nghỉ để bán dâm, không bàn bạc với Thân Đức L để các gái bán dâm của quán "Tường Yy" đến bán dâm tại nhà nghỉ của họ, gái bán dâm của quán cà phê "Tường Vy" không đến bán dâm tại nhà nghỉ của họ nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với anh Thân Văn H, sinh năm 1983 ở Tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên là chủ nhà nghỉ "Thiên Minh", quá trình điều tra xác định gái bán dâm Phùng Thị Y có đến nhà nghỉ, quản lý nhà nghỉ không vào sổ theo dõi, do vậy không xác định được thời điểm cụ thể Yến đến nhà nghỉ Thiên Minh nên chưa đủ căn cứ để ra Quyết định xử phạt hành chính đối với anh Thân Văn Hiệp về hành vi trên.

[17] Đối với hành vi của chị Trần Thị L, sinh năm 1986, trú tại tổ 6, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, được bị can M thuê nấu cơm không biết các bị can hoạt động mại dâm nên không vi phạm pháp luật.

[18] Đối với ông Thân Văn G, sinh năm 1964, trú tại: Tổ Dân phố MĐ3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh BG là người cho Thân Đức L thuê nhà để mở quán "Tường vy". Quá trình điều tra xác định khi cho thuê nhà ông Giang không biết việc L sử dụng để hoạt động mại dâm nên ông Giang không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c, điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 55 Điều 58, Điều 38, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Thân Đức L, Lê Thị M, Trần Văn T.

Xử phạt Thân Đức L 05 năm 06 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" và 03 năm 06 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Thân Đức L phải chấp hành hình phạt là 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Xử phạt Lê Thị M 05 năm 03 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" và 03 năm 03 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Lê Thị M phải chấp hành hình phạt là 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Xử phạt Trần Văn T 05 năm tù về tội "*Chứa mại dâm*" và 03 năm tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt là 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

Căn cứ vào: Điểm c, điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 327; điểm a, điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 55 Điều 58, Điều 38, điểm s, khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Nông Văn T1.

Xử phạt Nông Văn T1 05 năm 01 tháng tù về tội "*Chứa mại dâm*" và 03 năm 01 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*", tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Nông Văn T1 phải chấp hành hình phạt là 08 năm 02 tháng thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo: Thân Đức L, Lê Thị M, Nông Văn T1, Trần Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su thu tại của phòng 208 (được niêm phong); 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu tại giường ngủ của phòng 203; 01 vỏ bao cao su đã xé có chữ "Doctor Young Lovers" (được niêm phong).; 07 (Bẩy) Bao cao su chưa sử dụng, có chữ "bao cao su Doctor Young Lovers"; 01 (Một) vỏ bao cao su màu trắng, trên có chữ "Doctor" màu đỏ, đã bị xé; 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu tại thùng rác trong nhà vệ sinh phòng 401 (được niêm phong); 06 (Sáu) bao cao su chưa qua sử dụng thu ở cuối giường phòng 401 (được niêm phong); 01 (Một) vỏ bao cao su có chữ "Doctor"; 01 (Một) Bao cao su đã qua sử dụng thu trong thùng rác ở phòng tắm của phòng 402 (được niêm phong); 01 (Một) máy tính nhãn hiệu Casio màu đen, góc bên trên cùng bên phải có chữ JS-40B 14 DIGITS; 50 (Năm mươi) bao cao su chưa qua sử dụng (được niêm phong); 03 (Ba) bút bi, có chữ TL-08; 01 (Một) đầu thu Camera màu đen, mặt trước có chữ @JHUA (được niêm phong).

Tịch thu xung công quỹ nhà nước: số tiền 7.400.000đ; 01 (Một) điện thoại di động vỏ màu xanh, có chữ VIVO ở sau máy, số Imeil 1: 860062048908817 và Imeil 2: 860062048908809, lắp sim số 0977728011; 01 (Một) điện thoại di động vỏ màu đen, nhãn hiệu OPPO, có số Imeil 1: 866107045733959, số Imeil 2: 866107045733942.

Trả lại cho các bị cáo: Trả lại cho bị cáo T1: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số seri 1: 355754101758053; số seri 2: 355754101958059, lắp sim số 0328763436 và 0868381621; 01 (Một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Masstel, số Imeil 1: 3541991125250102; Imeil 2: 354199112825106, lắp sim số 0962005092 và 0376285327, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số Imeil 1: 357745106926503 và Imeil 2: 357745108926501 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo M : 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng vỏ màu đỏ, số Imeil 1: 356328109034574; Imeil 2: 356328109836200, lắp sim số 0889105378; 01 (Một) tờ trích lục án dân sự (bản phô tô) của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang cấp ngày 8/5/2002; 02 (Hai) chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị M; 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank, có chữ nổi trên thẻ là LE THI M, dãy số nổi là 9704368620554971019 của M; 01 (Một) thẻ bảo hiểm y tế mã số GD 4242421943053 mang tên Lê Thị M do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/8/2019 của M; 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007157 mang tên Lê Thị M do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/6/2011, đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM ATTILA, biển số 98B1-131.68; 01 (Một) ví da màu sữa, đen của M; 01 (Một) thẻ ATM của Ngân hàng VPBANK, có chữ nổi là LE THI M, dãy số nổi là 9704320271713689 của M; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila màu vàng, biển kiểm soát 98B1- 131.68; số khung 075201; số máy 075201 xe đăng ký tên Lê Thị M và số tiền 13.160.000đ, riêng số tiền 13.160.000đ cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo thu lời bất chính Thân Đức L 22.350.000đ; Lê Thị M 10.000.000đ; Trần Văn T 6.000.000đ; Nông Văn T1 7.000.000đ.

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 07/5/2021 nếu chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không đến nhận thì 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen 1280, số seri 359045047894003 (được niêm phong) sẽ được sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo,có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện